CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Viễn thông - Tin học Bưu điện

Ngày 31/12/2025	18,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-	**0%**	**43.4%**

DT thuần
Q4/25
933
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 228| 32.3%
YoY: ▲ 636| 214%

LN thuần
Q4/25
-9.17
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.83| -24.9%
YoY: ▼8.34| -1005%

LN sau thuế
Q4/25
12.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 10.3| 589%
YoY: ▼1.60| -11.5%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
2.4%
YoY: +/-▼ 0.7%

ROE
2025
4.9%
YoY: +/-▲ 0.1%

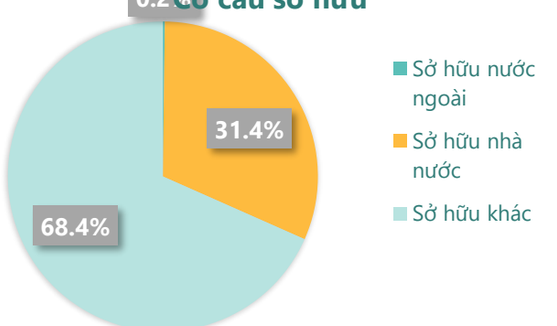
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	10,487 - 25,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	579
Số lượng CPLH (CP)	32,185,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	76,470
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	0.37
EPS	986
P/E	18.3

DT thuần
2025
2,113
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 540| 34.4%

LN thuần
2025
-4.35
tỷ VNĐ
YoY: ▼28.9| -118%

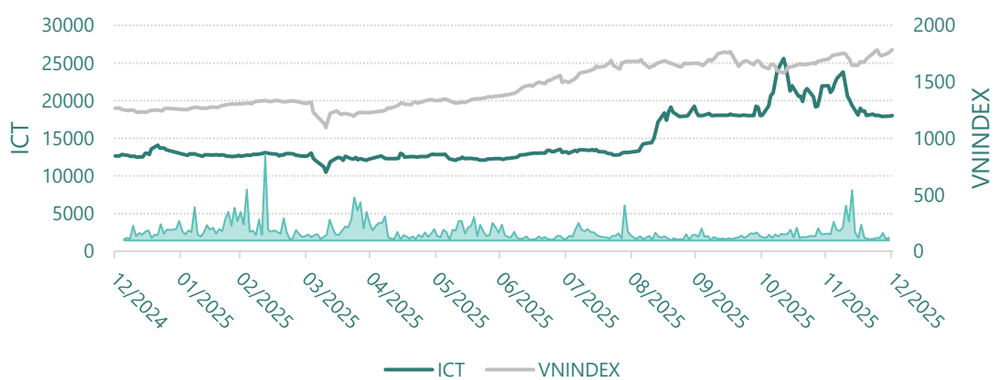
LN sau thuế
2025
31.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.60| 2.1%

Cơ cấu sở hữu

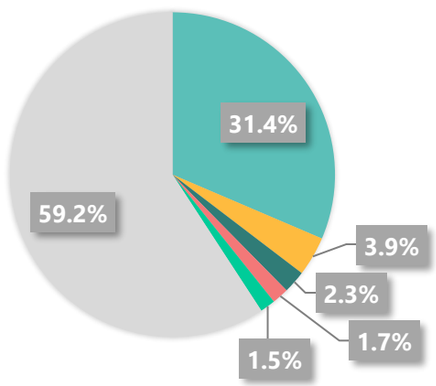


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



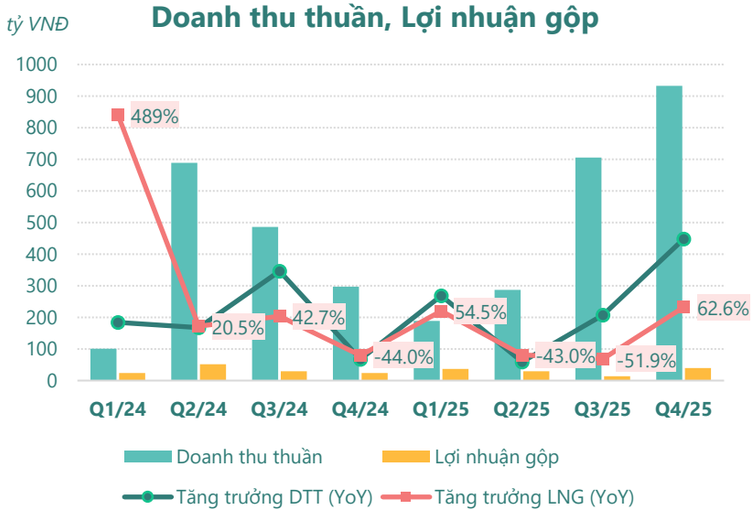
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

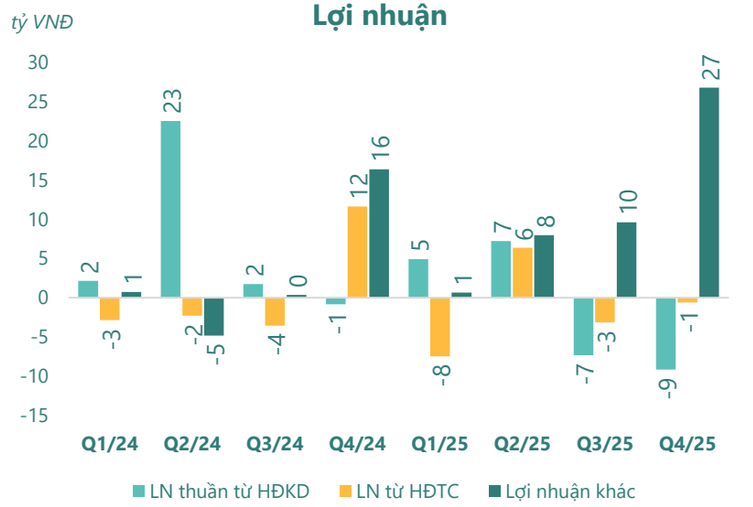
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



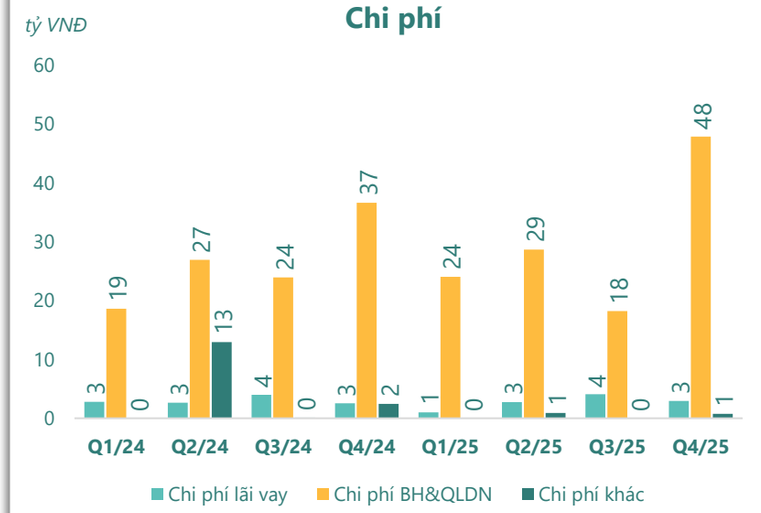
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



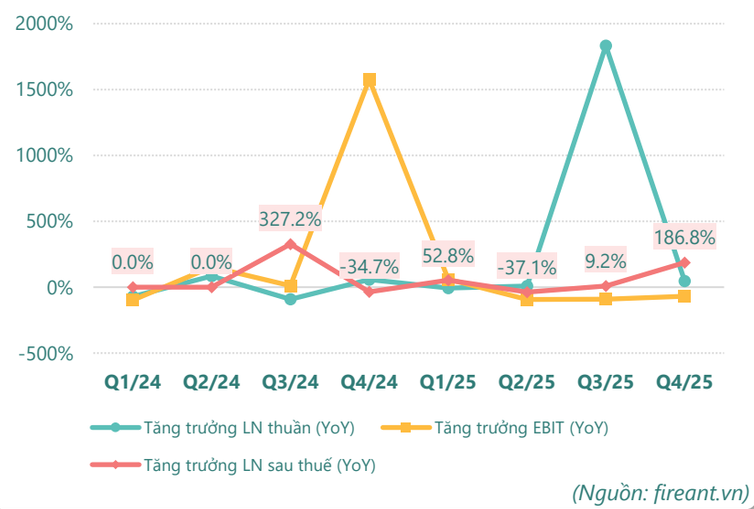
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



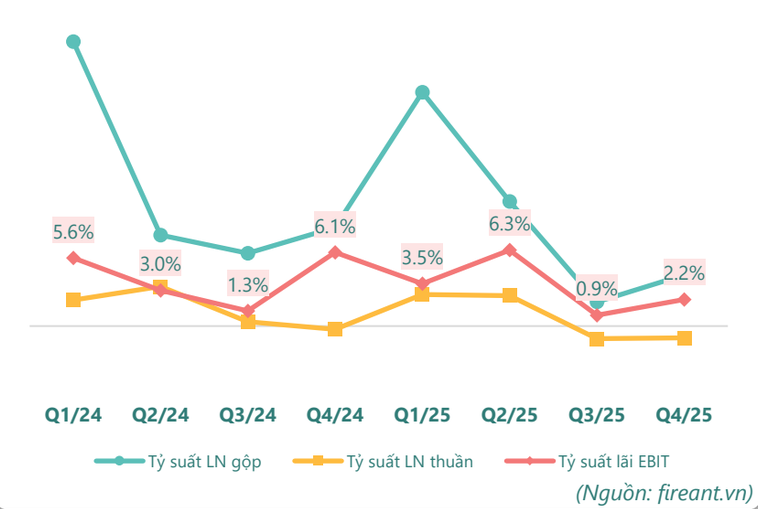
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



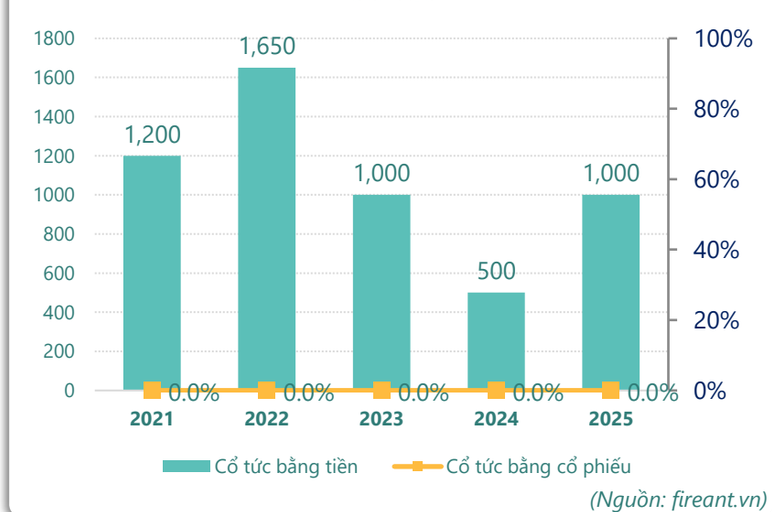
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

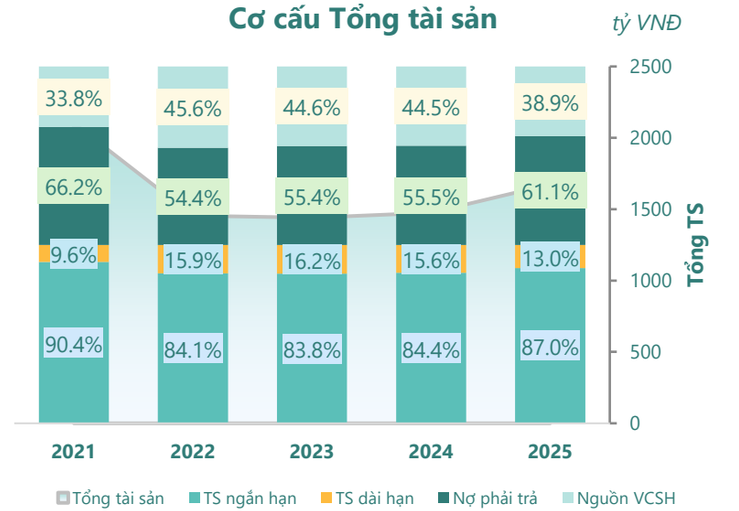
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

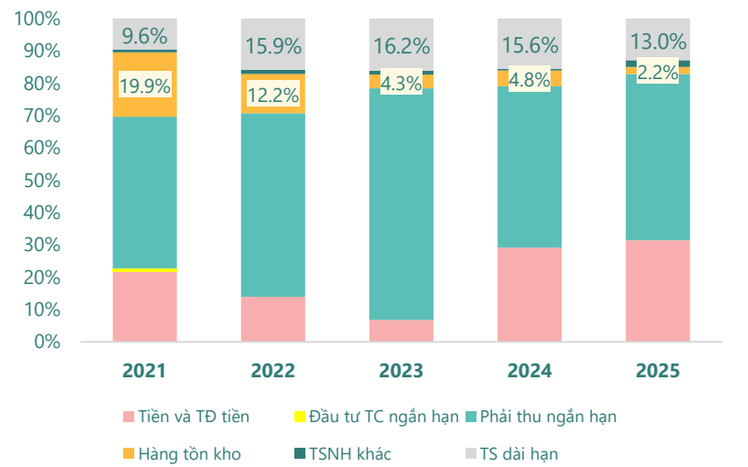
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



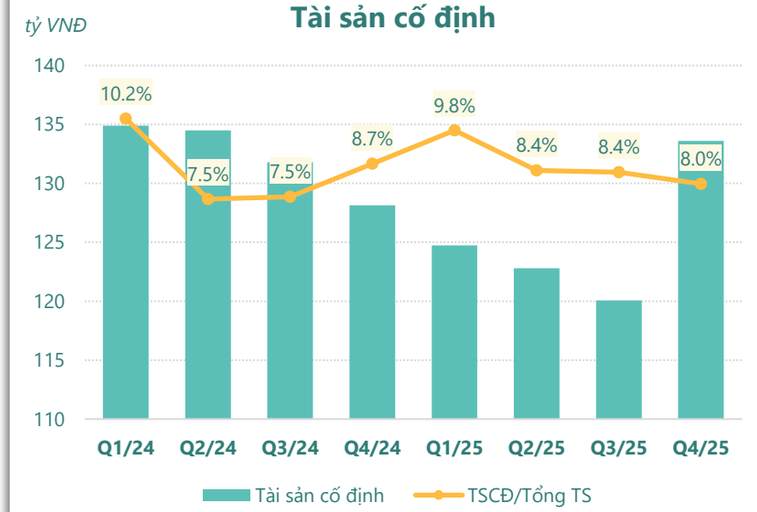
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



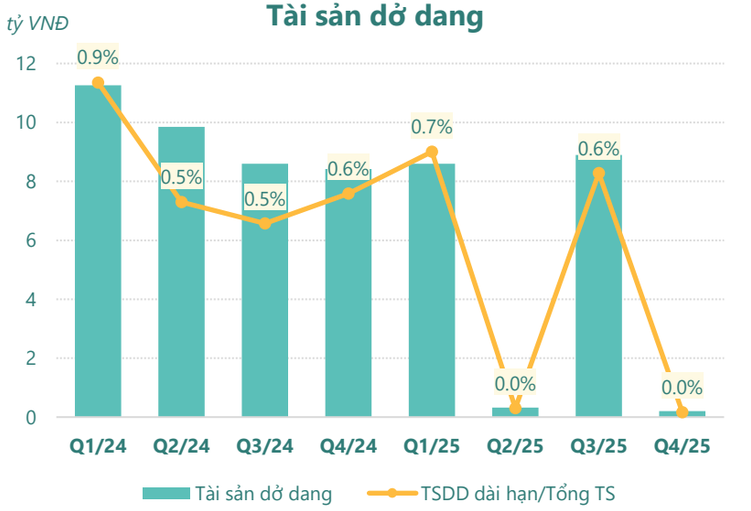
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



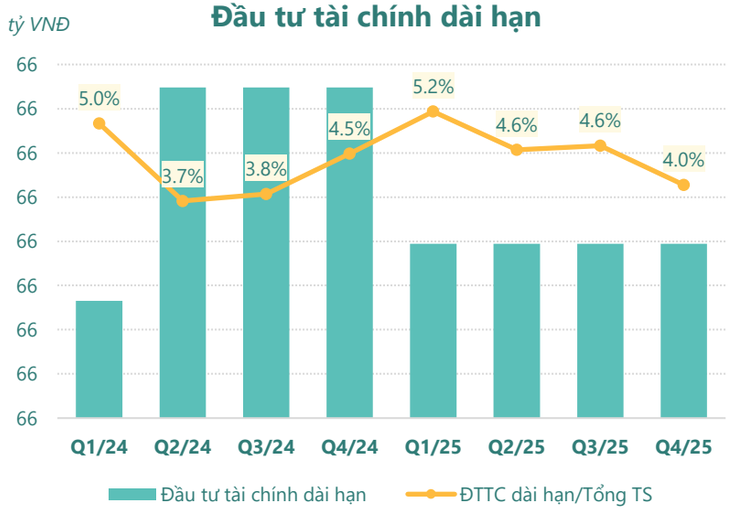
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



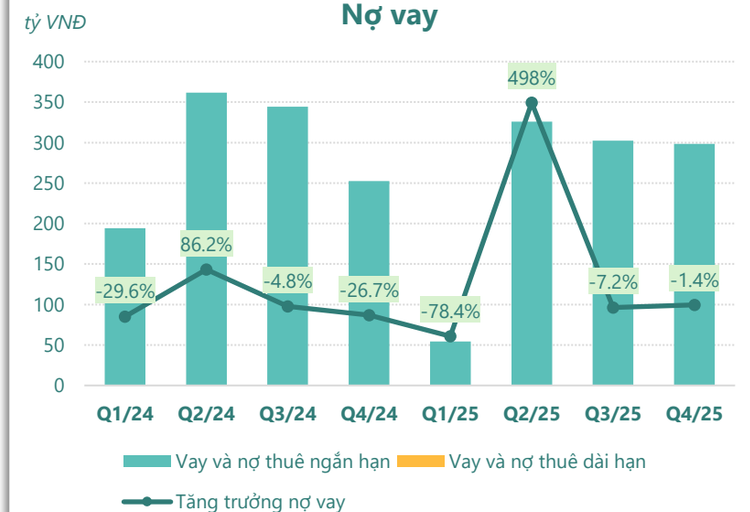
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

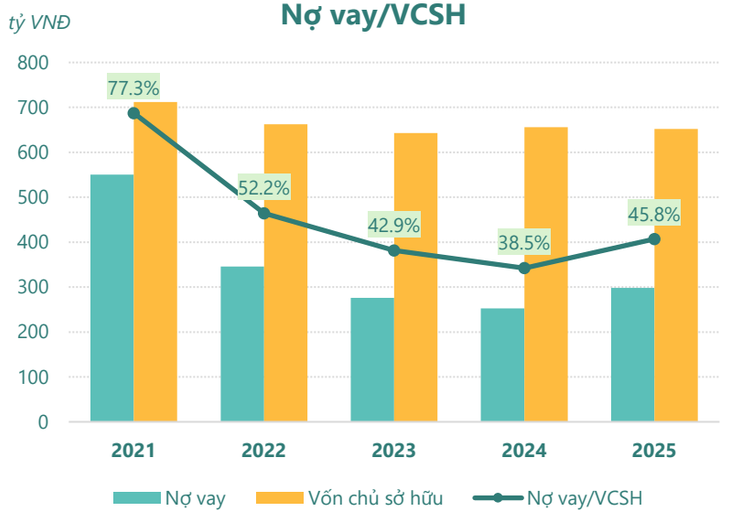
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

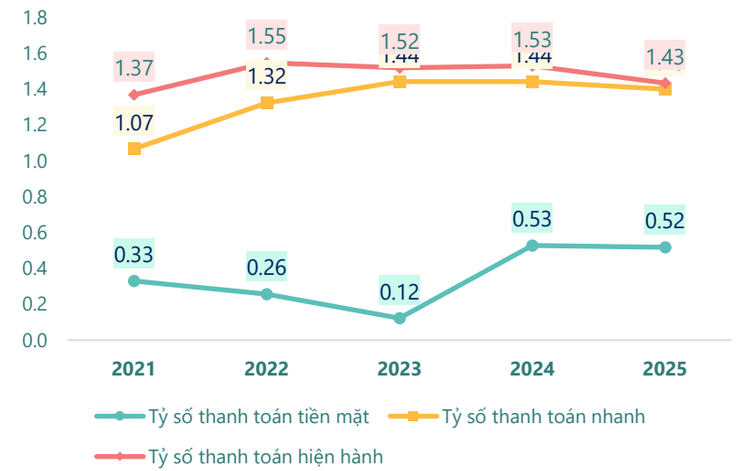
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



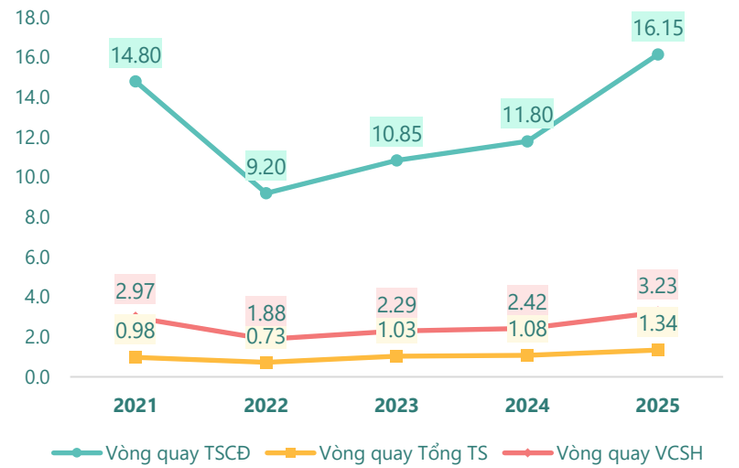
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



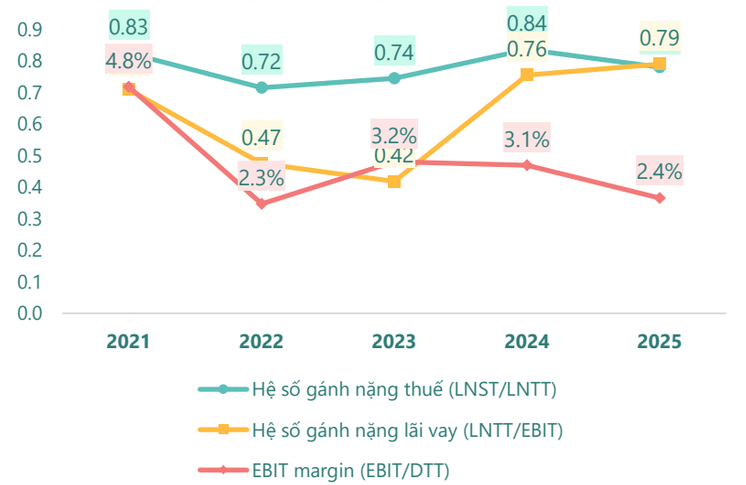
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



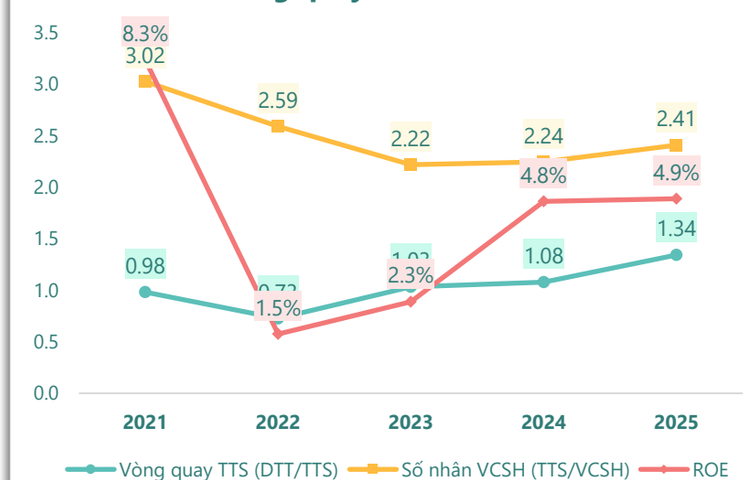
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



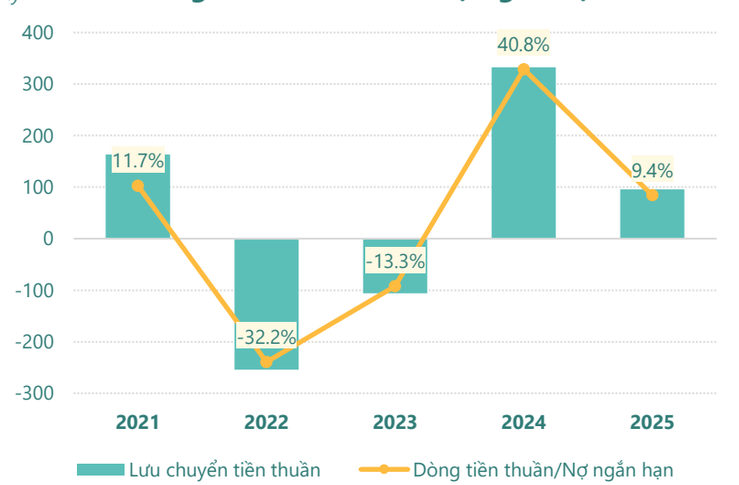
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**933**	**297**	**214%**	**2,113**	**1,573**	**34.4%**
Giá vốn hàng bán	893	273	227%	1,994	1,444	38.0%
Lợi nhuận gộp	39.4	24.2	62.7%	119	128	-6.8%
Doanh thu HĐTC	3.74	18.9	-80.2%	14.5	24.8	-41.4%
Chi phí TC	4.37	7.24	-39.7%	19.5	22.0	-11.6%
Chi phí lãi vay	2.93	2.53	15.9%	10.8	12.0	-10.2%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	24.9	17.8	39.8%	63.3	54.8	15.5%
Chi phí QLDN	**23.0**	**18.9**	**21.9%**	**55.6**	**51.6**	**7.6%**
LN thuần từ HĐKD	-9.17	-0.83	-1005%	-4.35	24.5	-118%
Lợi nhuận khác	**26.8**	**16.4**	**63.3%**	**45.0**	**12.6**	**256%**
LN trước thuế	17.6	15.6	12.9%	40.7	37.2	9.4%
Lợi nhuận sau thuế	**12.1**	**13.7**	**-11.5%**	**31.7**	**31.1**	**2.1%**
LNST của CĐ cty mẹ	**12.1**	**13.7**	**-11.5%**	**31.7**	**31.1**	**2.1%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	158	239	149	-293	25.3	199
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.30	1.63	3.95	11.0	-8.07	-5.58
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-33.2	-92.1	-198	239	-23.5	-4.13
Tiền đầu kỳ	157	282	430	384	342	336
Lưu chuyển tiền thuần	**124**	**148**	**-45.2**	**-42.5**	**-6.24**	**190**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0.01	0	0
Tiền cuối kỳ	282	430	384	342	336	525

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,674**	**1,475**	**13.5%**
Tài sản ngắn hạn	1,457	1,245	17.1%
Tiền và tương đương tiền	525	430	22.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	861	736	16.9%
Hàng tồn kho	36.2	71.4	-49.3%
Tài sản ngắn hạn khác	34.8	7.19	383%
Tài sản dài hạn	**217**	**231**	**-6.0%**
Phải thu dài hạn	1.55	1.55	0.0%
Tài sản cố định	134	128	4.3%
Bất động sản đầu tư	8.51	9.21	-7.6%
Tài sản dở dang	0.21	8.41	-97.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	66.2	66.4	-0.3%
Tài sản dài hạn khác	**6.85**	**17.0**	**-59.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,022	819	24.8%
Nợ ngắn hạn	**1,016**	**814**	**24.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	298	253	18.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	447	402	11.1%
Nợ dài hạn	6.55	5.46	20.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**652**	**656**	**-0.7%**
Vốn chủ sở hữu	**652**	**656**	**-0.7%**
Vốn điều lệ	322	322	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)